

TÍNH KHOA HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC VỀ XUNG ĐỘT XÃ HỘI

TRẦN PHÚC THẮNG*
NGUYỄN THỊ HUỖN THÁI**

Tóm tắt: Từ sau chiến tranh Thế giới thứ hai, xung đột xã hội được nghiên cứu nhiều trong xã hội học. Tuy nhiên, trong lịch sử tư tưởng nhân loại, vấn đề này đã được đề cập tới từ thời cổ đại và được phát triển từng bước trên cơ sở những biến đổi của đời sống xã hội. Đến chủ nghĩa Mác, lý luận xung đột xã hội đã trở thành một lý luận khoa học và có ý nghĩa không nhỏ đối với việc nhận thức những vấn đề của thế giới đương đại.

Từ khóa: Xung đột xã hội, chủ nghĩa Mác.

Xung đột là một hiện tượng phổ biến trong mọi xã hội, đặc biệt xã hội có giai cấp. Trong thế giới hiện đại, xung đột xã hội trở thành một trong những nội dung quan trọng của chính trị học và xã hội học.

Mặc dù cho đến nay, chưa có một quan niệm thống nhất về xung đột xã hội, nhưng theo chúng tôi, theo nghĩa chung nhất xung đột xã hội là những sự tranh chấp, đụng độ, va chạm, đối đầu nhau của những con người, những bộ phận dân cư hay các cộng đồng dân cư có những quan điểm, những lợi ích vật chất hoặc tinh thần không đồng thuận, trái chiều nhau. Xung đột xã hội có thể là xung đột trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội hay xung đột của một lĩnh vực nhất định như kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo... Xung đột xã hội cũng có thể là những xung đột giữa các

cá nhân, các nhóm, các tập đoàn xã hội, các giai cấp, các dân tộc trong một quốc gia hay giữa các quốc gia, các hệ thống xã hội, các nền văn hóa, văn minh...

Các hình thức cụ thể của xung đột xã hội là những cuộc tranh cãi, xô xát, hay các cuộc bãi công, đình công, biểu tình, khởi nghĩa vũ trang hoặc cao nhất là chiến tranh. Mặc dù lý thuyết về xung đột xã hội dưới hình thức xã hội học mới ra đời từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhưng các lý thuyết về những trường hợp trên đây đã xuất hiện ngay từ thời cổ đại dưới các góc độ khác nhau, nhất là dưới góc độ triết học và chính trị học. Ngay từ thời kỳ đầu, hầu hết các lý thuyết về xung đột xã hội đã

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(**) Thạc sĩ, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, Quảng Ninh.

tập trung vào việc nghiên cứu mâu thuẫn xã hội, do chỗ chúng có mối quan hệ hữu cơ với nhau.

Mâu thuẫn là một trong những phạm trù cơ bản, trung tâm của phép biện chứng nói riêng và của triết học nói chung từ thời cổ đại. “Mâu thuẫn” không đồng nghĩa với “xung đột”. Mâu thuẫn có hai nghĩa. *Thứ nhất*, theo nghĩa rộng đó là, sự tác động qua lại giữa các mặt đối lập. Mâu thuẫn bao gồm cả sự thống nhất, sự đấu tranh và sự chuyển hóa của các mặt đối lập. Mâu thuẫn không đồng nhất với xung đột. *Thứ hai*, theo nghĩa hẹp, đó là sự bất đồng, sự không phù hợp, sự tác động không ngang nhau của các mặt đối lập. Mâu thuẫn gần sát với nghĩa của xung đột hơn, nhưng cũng không hoàn toàn đồng nghĩa với xung đột. Vì sự bất đồng, sự không phù hợp, sự tác động không ngang nhau của các mặt đối lập khi chưa phát triển cao đến mức thể hiện ra bên ngoài thành những sự phản ứng mạnh mẽ thì chưa phải là xung đột. Cho nên, với bất kỳ nghĩa nào, mâu thuẫn cũng chỉ là nguồn gốc, là nguyên nhân của xung đột chứ không phải bản thân sự xung đột, mặc dù trong thực tế, cũng có khi xung đột được gọi là mâu thuẫn.

Trong mối quan hệ của các mặt đối lập, thuật ngữ “đấu tranh” gần nghĩa hơn với thuật ngữ “xung đột”. Tuy nhiên, “đấu tranh” cũng có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Nếu hiểu “đấu tranh” là sự bài trừ, sự phủ định lẫn nhau của các mặt đối lập, thì đó chính là xung

đột. Vì vậy, những lý luận nói tới “đấu tranh của các mặt đối lập” trong xã hội thực chất là những lý thuyết về xung đột xã hội. Cũng cần nhấn mạnh rằng, khi đề cập đến các vấn đề xã hội, các nhà tư tưởng từ thời cổ đại đến thời cận đại đều nhìn nhận xã hội như một chỉnh thể, một tổng thể các mặt của đời sống xã hội. Đó là “cái xã hội” đối lập với “cái tự nhiên” hay thế giới tự nhiên. Đó là khái niệm xã hội được dùng với nghĩa rộng nhất. Ngày nay, khái niệm xã hội còn được dùng với nghĩa hẹp hơn, tức là một lĩnh vực của xã hội loài người, tương tự như các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa...

Vì vậy, các lý thuyết triết học từ thời cổ đại đều tập trung vào việc đi tìm nguồn gốc của mọi tranh chấp xã hội từ lãnh thổ, đất đai, các nguồn của cải vật chất đến những sự tranh chấp về quyền lực, địa vị, ngôi thứ trong xã hội...

Ở phương Đông, đặc biệt là ở Trung Hoa cổ, trung đại, xuất phát từ hoàn cảnh thực tế, nhiều nhà tư tưởng đã tập trung vào việc lý giải nguồn gốc và phương án để loại bỏ các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia, tình trạng “tranh hùng”, “tranh bá” của loạn lạc nói chung. Những tư tưởng về “mệnh trời” không được nhận thức rõ, không được tuân thủ và về bản tính có sẵn của con người không được “tôn tâm”, “dưỡng tính” (đối với tính thiện), và không được khắc phục (đối với tính ác)... được xem là nguyên nhân cơ bản nhất để tạo nên mọi sự rối loạn trong đời sống xã hội.

Phương thức giải quyết chủ yếu được đưa ra là giáo dục đức nhân, kêu gọi tình yêu đối với tất cả mọi người (kiêm ái), là “vô vi” hay sử dụng pháp luật, thực hiện việc thưởng phạt nghiêm minh để con người thích cái lợi mà tìm đến, ghét cái hại mà tránh xa. Những quan điểm ấy đã có những giá trị không nhỏ cho đến ngày nay nhưng còn phiến diện do chưa có được một cách nhìn khoa học.

So với triết học phương Đông, triết học phương Tây cổ Hy Lạp đề cập đến vấn đề xung đột xã hội một cách trực diện hơn. Platon, nhà biện chứng nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại, cho rằng, sự tập trung quyền lực và của cải vào một số người dẫn đến sự phân chia giàu nghèo và chừng nào còn có sự phân chia thành người giàu và người nghèo thì sẽ còn có cuộc đấu tranh của người nghèo chống lại người giàu. Do đó, ông chủ trương phải xây dựng một xã hội lý tưởng, trong đó, xã hội không phải chỉ được cai quản bởi những nhà thông thái mà còn xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân và tình yêu gia đình để tạo nên một cộng đồng về tài sản và cộng đồng về hôn nhân. Phải thừa nhận rằng, sự phát hiện của Platon là một sự sắc sảo song những phương án mà ông đưa ra để giải quyết những xung đột trong xã hội là không tưởng.

Từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời, cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, của kinh tế thị trường và của các mối quan hệ quốc tế, những nghịch lý,

những xung đột xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đã tăng lên nhanh chóng. Trong mỗi quốc gia và trên toàn thế giới, ở đâu cũng có những xung đột xã hội với những tính chất khác nhau, những cấp độ và quy mô khác nhau. Điều đó đã khiến các nhà triết học, các nhà tư tưởng nói chung có thể nhìn nhận vấn đề nguồn gốc của các xung đột xã hội một cách rõ ràng và đầy đủ hơn. Nhà chính trị người Anh Tômát Moro (1478 - 1535), nhà triết học người Ý Tômadô Campanela (1568 - 1639), nhà tư tưởng người Pháp J.J.Rút xô (1712 - 1778), nhà kinh tế - chính trị học Anh Xixmônđi (1773 - 1842)... đều nhận thấy chế độ tư hữu là nguồn gốc của các mâu thuẫn, các xung đột xã hội hay là nguyên nhân của những tai họa trong xã hội loài người. Những phương án mà họ đưa ra là cải cách thể chế chính trị. Thậm chí, các nhà xã hội chủ nghĩa đã chủ trương xây dựng một xã hội hòa hợp, không còn đối kháng giữa thành thị và nông thôn, giữa người lao động làm thuê và người thu lợi nhuận cho cá nhân... Tuy nhiên, do điều kiện cuộc đấu tranh giai cấp chưa phát triển, nên họ không thấy được sự cần thiết của các hoạt động chính trị và nhất là của hành động cách mạng của những giai cấp cách mạng. Vì vậy, ngay cả những người có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng chỉ là những người “tìm cách đạt mục đích của họ bằng phương pháp hòa bình, và thử mở một con đường đi tới một kinh phúc âm xã hội bằng hiệu lực của sự nêu gương,

bằng những thí nghiệm nhỏ...”⁽¹⁾. Tất nhiên, những thí nghiệm của họ đã không thành công và họ đã đi dần vào chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội phản động.

Từ thế kỷ XIX, cuộc đấu tranh giai cấp đã có những chuyển biến hết sức quan trọng. Điều kiện kinh tế - xã hội đã tạo cho giai cấp vô sản một vị thế mới trong lịch sử. Sức mạnh của họ được nhân lên, tầm nhìn của họ được mở rộng. Xung đột xã hội đã diễn ra dưới hình thức những phong trào đấu tranh rộng lớn của giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển hàng đầu thời bấy giờ.

Từ đầu những năm 1830 đến đầu những năm 1840, các phong trào đấu tranh của công nhân ở ba nước Anh, Pháp, Đức đã phát triển nhanh chóng và trở thành các phong trào có quy mô ngày càng lớn và có tính cách mạng rõ rệt.

Phong trào đấu tranh của công nhân Pháp đã đánh dấu một bước phát triển mới trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở thành phố Liông đã nêu khẩu hiệu đấu tranh hết sức quyết liệt, thậm chí cả khẩu hiệu là “xây dựng nền cộng hòa”.

Giai cấp vô sản Anh cũng đã phát động rộng rãi phong trào Hiến chương với mục tiêu là giành quyền lợi chính trị trên phạm vi toàn quốc. Đặc biệt phong trào đấu tranh đã dẫn đến việc thành lập Hội Liên hiệp công nhân Luânđôn.

Đặc biệt phong trào công nhân Đức mà điển hình là cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt ở Xilêdi, đã đề cập đến những

vấn đề hết sức trọng yếu là chế độ tư hữu và sự bóc lột kiểu tư bản chủ nghĩa.

Những phong trào công nhân nói trên đã thể hiện rõ sự bất lực của giai cấp tư sản đối với việc giải quyết những mâu thuẫn xã hội trong quá trình phát triển của nó. Đồng thời, tất cả các lý luận trước Mác cũng không có khả năng giúp con người tìm ra một phương thức khả thi để giải quyết một cách căn bản những mâu thuẫn, những xung đột xã hội, làm cho xã hội tiếp tục phát triển. Chính trong điều kiện đó, C.Mác đã xây dựng một học thuyết mới, học thuyết khoa học để đáp ứng những yêu cầu mới của lịch sử.

Để thực hiện ý tưởng này, trong Luận cương về “Phoiobắc”, C.Mác đã nêu lên một vấn đề có tính nguyên tắc là: “Trước hết phải hiểu bản thân cơ sở trần tục ấy trong mâu thuẫn của nó và sau đó cách mạng hóa nó trong thực tiễn bằng cách xóa bỏ mâu thuẫn đó”⁽²⁾.

Toàn bộ lý luận xung đột xã hội của C.Mác đã được xây dựng trên cơ sở của một thế giới quan mới, thế giới quan duy vật triệt để, trong đó, phần trọng yếu là chủ nghĩa duy vật về lịch sử. Những quan điểm của chủ nghĩa duy vật về lịch sử lần đầu tiên đã được trình bày một cách tương đối đầy đủ có hệ thống trong “Hệ tư tưởng Đức” do C.Mác và Ph.Ăngghen viết chung. Điều quan trọng

⁽¹⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 641.

⁽²⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 3, tr. 11.

trong tác phẩm này là các ông đã phát hiện ra “cái chìa khóa” để nhận thức các vấn đề xã hội. Với các luận điểm rất cơ bản như “tổng thể những lực lượng sản xuất mà con người đã đạt được, quyết định trạng thái xã hội”⁽³⁾, và “tất cả mọi xung đột trong lịch sử đều bắt đầu từ mâu thuẫn giữa những lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp”⁽⁴⁾ (tức quan hệ sản xuất - TG)... Những quan điểm cơ bản đó chính là những nhân tố có tính nền tảng trong việc xây dựng lý thuyết về xung đột xã hội của Chủ nghĩa Mác.

Đứng trên quan điểm này, C.Mác đã giải phẫu toàn bộ xã hội tư bản, phân tích một cách biện chứng nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ông đánh giá một cách khách quan vai trò của giai cấp tư sản và những thành tựu mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được trong quá trình phát triển của mình. Đồng thời, ông cũng tập trung nghiên cứu những mâu thuẫn nội tại của nó, nguồn gốc sâu xa nhất của những mâu thuẫn, những xung đột xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa và trong xã hội có giai cấp nói chung. Trong điều kiện cụ thể của thời kỳ giữa thế kỷ XIX, Chủ nghĩa Mác không bàn về xung đột nói chung, mà chỉ bàn về một hiện tượng xã hội điển hình của thời kỳ này, đó là xung đột giai cấp.

Lý luận xung đột của Chủ nghĩa Mác thực chất là lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Đấu tranh giai cấp là một hình thức xung đột cơ bản, đặc thù, nổi bật của xã hội có giai cấp. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng

sản”, khi nói về các xã hội có giai cấp, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”⁽⁵⁾. Vì vậy, lý luận về đấu tranh giai cấp đã được xây dựng thành một lý thuyết khoa học về xung đột xã hội. Tính khoa học của lý luận này được thể hiện trên những đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp đã lý giải về nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp theo quan điểm duy vật về lịch sử. Khác với các nhà tư tưởng trước đây, Chủ nghĩa Mác không dừng lại ở chỗ chỉ ra nguồn gốc của sự phân chia xã hội thành kẻ giàu người nghèo là chế độ tư hữu. Chủ nghĩa Mác cũng không xem nguồn gốc của chế độ tư hữu là do “thiên định”, thiên tính bẩm sinh của con người hay do lòng tham của con người tạo nên. Chủ nghĩa Mác khẳng định, cả tư tưởng tư hữu và chế độ tư hữu đều là sản phẩm của lịch sử, là kết quả tất yếu của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chỉ trong điều kiện lực lượng sản xuất đã phát triển đến một trình độ nhất định, đến mức có thể tạo ra một số của dư ít ỏi, tạo nên mâu thuẫn giữa số của cải có hạn với nhu cầu vật chất của tất cả các thành viên trong cộng đồng mới có cơ sở để tạo ra tư tưởng tư hữu. Vì vậy, đã có hàng nghìn hàng

⁽³⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 3, tr. 42.

⁽⁴⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 3, tr. 107.

⁽⁵⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 4, tr. 596 - 597.

triệu năm trong lịch sử xã hội loài người không có giai cấp. Từ đó, Chủ nghĩa Mác xem sự xuất hiện xã hội có giai cấp là một tất yếu khách quan, tất yếu kinh tế. Đồng thời, nó cũng đánh dấu một bước tiến của lịch sử nhân loại. Nó hoàn toàn không chỉ có tính chất tiêu cực như người ta quan niệm trước đây. Do đó, bất cứ giai cấp nào cũng hình thành từ một điều kiện lịch sử nhất định, từ một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất và có một vai trò xác định trong sự phát triển của xã hội loài người. Chính các giai cấp bóc lột như chủ nô, phong kiến, tư sản cũng đã từng có vai trò cách mạng trong những giai đoạn nhất định của lịch sử.

Cho nên, Chủ nghĩa Mác luôn nhấn mạnh việc xóa bỏ giai cấp này hay giai cấp khác không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người, vào sự đánh giá tốt, xấu của con người, mà phải tùy thuộc vào sự phát triển của nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp...

Thứ hai, lý luận mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp đã luận giải một cách khoa học về đấu tranh giai cấp.

Đấu tranh giai cấp có nguồn gốc trực tiếp là mâu thuẫn giai cấp, song nguồn gốc sâu xa của nó lại là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Tất cả các xung đột khác, kể cả “tổng thể những xung đột, những sự xung đột giữa những giai cấp khác nhau, những mâu thuẫn về ý thức, đấu tranh tư tưởng, đấu tranh chính trị, v.v.”⁽⁶⁾ chỉ là *những hình thức phụ khác nhau* của mâu thuẫn nói trên.

Do đó, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất được giải quyết một cách thỏa đáng thì đấu tranh giai cấp hay xung đột giai cấp mới được giải tỏa. Thực chất của việc giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển.

Chính vì vậy, khi đấu tranh giai cấp phát triển đến đỉnh cao và trở thành các cuộc cách mạng xã hội thì giai cấp lãnh đạo cách mạng phải là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn phương thức sản xuất cũ đã lỗi thời; đồng thời, đấu tranh giai cấp cũng được mở rộng, phát triển thành cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng cách mạng và phản cách mạng, giữa chế độ xã hội cũ và chế độ xã hội mới, rộng hơn nữa là cuộc đấu tranh giữa các nền văn minh... Mục tiêu cao nhất của cuộc đấu tranh giai cấp không phải là tiêu diệt giai cấp này hay giai cấp khác, mà là phát triển lực lượng sản xuất, là tiến bộ xã hội. Mục tiêu này cũng quy định mục tiêu cụ thể, nội dung, phương thức, lực lượng của cuộc đấu tranh giai cấp trước khi giành chính quyền và sau khi giành chính quyền. Chính vì thế, đấu tranh giai cấp là một động lực phát triển của xã hội có giai cấp và cách mạng xã hội là “đầu tàu” của lịch sử.

⁽⁶⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 3, tr. 107 - 108.

Thứ ba, lý luận mácxít quan niệm về việc xóa bỏ chế độ tư hữu là vấn đề có tính chất kinh tế. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: “...những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu”⁽⁷⁾. Tuy nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh: “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ sở hữu tư sản”⁽⁸⁾. Để xóa bỏ sở hữu tư sản đòi hỏi phải có sự tăng lên to lớn của lực lượng sản xuất. Đó là tiền đề *tuyệt đối cần thiết*, vì nếu “không có nó thì tất cả sẽ chỉ là sự *nghèo nàn* sẽ trở thành phổ biến; mà với *sự thiếu thốn tột độ* thì ắt sẽ trở lại một cuộc đấu tranh để giành những cái cần thiết, thế là người ta lại không tránh khỏi rơi vào cũng sự ti tiện trước đây”⁽⁹⁾. Xuất phát từ quan điểm này, Chủ nghĩa Mác đã phê phán các loại lý luận của chủ nghĩa xã hội (CNXH) phong kiến, CNXH tiểu tư sản, CNXH tư sản và chỉ rõ đó là CNXH phản động vì nó muốn xóa bỏ chế độ tư hữu trên cơ sở một nền kinh tế nghèo nàn, manh mún, thủ công của nền sản xuất nhỏ hoặc trên cơ sở của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa còn đầy những khủng hoảng và khuyết tật. Khác với những tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói trên, những nhà sáng lập ra hệ thống lý luận mácxít, “không đề ra cho con người yêu cầu đạo đức là hãy yêu thương nhau, chớ làm người vị kỷ, v.v.; trái lại, họ biết rất rõ ràng trong những điều kiện nhất định, cả

chủ nghĩa vị kỷ cũng như sự tự hy sinh đều là một hình thức tất yếu của sự tự khẳng định của cá nhân”⁽¹⁰⁾. Đối với C.Mác và Ph.Ăngghen, “việc thiết lập chủ nghĩa cộng sản về thực chất là có tính chất kinh tế”⁽¹¹⁾. Đó là tư tưởng thể hiện quan điểm duy vật triệt để của Chủ nghĩa Mác về vấn đề này.

Điểm qua một vài nét căn bản nhất của Chủ nghĩa Mác về đấu tranh giai cấp, chúng ta đã có thể thấy rõ tính khoa học của lý luận này. Đó là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ giữa thế giới quan khoa học và phương pháp biện chứng duy vật. Đó cũng là kết quả của việc kế thừa các giá trị tư tưởng của nhân loại với việc quan sát tinh tế những thực tiễn sinh động của thời đại để đưa ra một lý luận có tầm khái quát cao về những xung đột xã hội trong một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử. Lý luận này không chỉ giúp ta có công cụ để có thể nhận thức rõ các xung đột xã hội đang diễn ra ở trong nước và trên thế giới hiện nay, mà nó còn giúp cho việc tìm ra phương pháp giải quyết chúng một cách có hiệu quả.

Tất nhiên, trong thời đại phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, của toàn cầu hóa, những xung đột xã hội đã trở nên hết sức đa dạng và phức tạp. Hàng loạt những xung đột về

⁽⁷⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 4, tr. 616.

⁽⁸⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 4, tr. 615.

⁽⁹⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 3, tr. 49.

⁽¹⁰⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 3, tr. 347.

⁽¹¹⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *sđd*, tập 3, tr. 102.

kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, tôn giáo, sắc tộc, lãnh thổ... liên tiếp diễn ra với vô vàn các hình thức khác nhau. Trong điều kiện đó, người ta cho rằng, lý luận mácxít về đấu tranh giai cấp đã lỗi thời, không còn phù hợp với thực tế của thế giới đương đại. Ngay sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, nhiều người đã nhấn mạnh đến xu thế hòa bình, ổn định trên toàn cầu. Người ta gán cho Chủ nghĩa Mác cái tội là đã kích động bản năng thù hận giữa những con người và đã mang đến cho con người không biết bao nhiêu tai họa. Người ta làm như những cuộc tàn sát lớn nhất trong thế kỷ XX là chỉ do Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa cộng sản gây ra. Nhưng, tiếc thay, sau cái cuộc đảo lộn lịch sử có một không hai ở Liên Xô cũ và Đông Âu, chỉ có những người cộng sản là muốn gác lại quá khứ đầy đau thương mất mát để hướng tới một tương lai tươi sáng hơn của lịch sử nhân loại. Với sự phát triển cao của lực lượng sản xuất trong các nước tư bản phát triển, một số người mácxít còn đặt kỳ vọng vào một tương lai gần của những biến chuyển cách mạng theo một con đường mới, tránh được những cuộc xung đột vũ trang, cướp đi sinh mạng của hàng nghìn người lương thiện. Tuy vậy, thực tế lại đã diễn ra theo chiều hướng ngược lại. Ngay sau khi những người chống đối Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội ăn mừng chiến thắng của họ, thì lập tức chiến lược xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên toàn hành tinh trong thế kỷ XX đã được

vạch ra. Tư tưởng “chớp thời cơ thế giới một siêu cường” đã nhanh chóng được cụ thể hóa thông qua hàng loạt chính sách đối nội và đối ngoại. Người ta tiếp tục sử dụng cuốn sách cũ “Diễn biến hòa bình” trong một điều kiện mới với những món hàng mới mà những người “nhẹ dạ, cả tin” có thể mắc lừa. Người ta lớn tiếng kêu gọi dân chủ để rồi họ có thể dễ dàng dùng sức mạnh quân sự buộc các quốc gia yếu hơn phải tuân thủ cây gậy chỉ đạo của mình. Người ta tìm cách cô lập, bao vây, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia có tinh thần độc lập, tự chủ và dám vươn lên để có thể ngang tầm với họ hoặc ở ngoài tầm kiểm soát của họ. Họ lên án những người khác vi phạm nhân quyền để rồi tự mình có thể vi phạm nhân quyền một cách thô bạo và trắng trợn. Sức mạnh về quân sự, kinh tế, phương tiện thông tin tuyên truyền... được sử dụng như một hợp lực để xóa bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XX. Những cuộc chiến tranh đẫm máu lại xảy ra theo các kịch bản đã định sẵn với những lý do vô căn cứ. Chết chóc, đói khát, cái hậu quả của những cuộc chiến tranh phi nghĩa của hàng nghìn năm qua lại tái diễn ở thời đại văn minh dòn dập đổ lên đầu những người dân vô tội.

Vậy, nguyên nhân của tình trạng nói trên là gì? Phương thức nào để giải quyết các vấn nạn của xã hội ấy? Chính những chỉ dẫn của Chủ nghĩa Mác hoàn

toàn có ý nghĩa để có thể tìm ra những câu trả lời có tính thuyết phục.

Thực tế trong vô vàn những xung đột xã hội hết sức đa dạng hiện nay, những xung đột bắt nguồn từ những mâu thuẫn về lợi ích cơ bản, lợi ích kinh tế vẫn là những xung đột điển hình nhất, phức tạp nhất, khó giải quyết nhất. Cho nên, việc xác định bản chất của xung đột và việc tìm phương thức xử lý xung đột, tuyệt đối không thể bỏ qua yếu tố này.

Mặt khác, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản nổi lên từ thế kỷ XIX, đến nay tưởng như không còn, nhưng kỳ thực nó vẫn chưa kết thúc. Bên cạnh các hình thức cổ truyền mà chừng nào còn kinh tế tư bản thì chưa thể kết thúc, đã xuất hiện thêm những hình thức mới là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa những lực lượng xã hội tiến bộ và lực lượng bảo thủ. Điều đó đã tạo nên những sự phân hóa trong mỗi giai cấp, kể cả giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Vì vậy, nếu không thấy được sự thay đổi này, không thể không mắc sai lầm.

Tất nhiên, nói như vậy, không phải chúng ta xem C.Mác là ông Thánh. C.Mác là con người được sinh ra và sống trong một giai đoạn nhất định của lịch sử, ông cũng bị giới hạn bởi điều kiện lịch sử. Chính ông đã luôn phát triển, bổ sung lý luận của mình và xem điều đó là một nguyên tắc của bất kỳ lý luận khoa học nào. Mặt khác, ngay cả đối với những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác vẫn còn nguyên giá trị,

khi vận dụng các quan điểm ấy vào đời sống hiện thực thì cũng phải hết sức sáng tạo. V.I.Lênin là người vừa phát triển, bổ sung Chủ nghĩa Mác vừa vận dụng lý luận này vào điều kiện cụ thể của nước Nga, đã luôn nhấn mạnh rằng, lý luận của C.Mác chỉ là kim chỉ nam cho chúng ta và *linh hồn sống của Chủ nghĩa Mác* là phân tích cụ thể một tình hình cụ thể. Mặt khác, đi theo Chủ nghĩa Mác không có nghĩa là chúng ta sẽ xóa bỏ được mọi xung đột. Chủ nghĩa Mác chỉ bàn đến việc xóa bỏ một loại xung đột đặc thù của xã hội có giai cấp đối kháng. V.I.Lênin cũng đã chỉ ra rằng, đến lúc nào đó đối kháng sẽ mất đi, mâu thuẫn vẫn còn. Còn mâu thuẫn thì sẽ còn xung đột, nhưng đó sẽ là những xung đột thuộc dạng khác và chắc chắn, loài người văn minh và tiến bộ sẽ tự tìm ra những giải pháp để giải tỏa chúng hay hơn nhiều so với các giải pháp hiện nay.

Song, đó là vấn đề của tương lai. Còn chúng ta đang đối mặt với thực tại và vì vậy chúng ta vẫn chưa thể bỏ qua được lời nhắc nhở của V.I.Lênin: “Chừng nào người ta chưa phân biệt được lợi ích của giai cấp này hay giai cấp khác, ắn đằng sau bất kỳ những câu nói, những tuyên bố và những lời hứa hẹn nào có tính chất đạo đức, tôn giáo chính trị và xã hội, thì trước sau bao giờ người ta cũng vẫn là kẻ ngốc nghếch bị người khác lừa bịp và tự lừa bịp mình về chính trị”⁽¹²⁾.

⁽¹²⁾ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tập 28, tr. 57.

